

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2020
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thanh Mỹ L

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H

Địa chỉ: Ấp A, xã TPT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Hồ Thanh Mỹ L trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh H sau thời gian tự tìm hiểu đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc và không còn tình cảm nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Tại biên bản lấy khai và quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Minh H trình bày: Ông thống nhất về thời gian vợ chồng tìm hiểu, tổ chức đám cưới, quá trình sống chung nhưng không đăng ký kết hôn như bà L trình bày là đúng sự thật. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H cùng xác nhận có 01 con chung cháu tên Nguyễn Minh Hoài An (nam) sinh ngày 07/3/2003. Bà L

và ông H thống nhất giao cháu An cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng ông H không yêu cầu nên bà L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H cùng xác nhận không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung. Riêng quan hệ hôn nhân, do bà L và ông H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà L, ông H xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Hồ Thanh Mỹ L và bị đơn Nguyễn Minh H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Hoài An (nam), sinh ngày 07/3/2003 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông H không yêu cầu nên bà L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H, do ông H có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2001, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn (theo đơn xin xác nhận ngày 22/6/2020 của ông Nguyễn Minh H tại UBND xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang). Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định chung sống có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Phía bà L yêu cầu được ly hôn với ông H và phía

ông H cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H.

[3.2] Về con chung: Bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H cùng xác nhận có 01 con chung cháu tên Nguyễn Minh Hoài An (nam) sinh ngày 07/3/2003. Bà L và ông H thống nhất giao cháu An cho ông Hiền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành. Việc thỏa thuận nuôi con chung của bà L và ông Hiền phù hợp với nguyện vọng của cháu An là muốn sống với cha (thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020) nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của bà L giao cháu An cho ông H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không yêu cầu nên bà L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thanh Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thanh Mỹ L và ông Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thanh Mỹ L giao cháu Nguyễn Minh Hoài An (nam) sinh ngày 07/3/2003 cho ông Nguyễn Minh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho L không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thanh Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0003828 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã TPT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á